CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Ngày 31/03/2024	16,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.7%	**6.3%**	**13.5%**

DT thuần
Q1/24
632
tỷ VNĐ
QoQ: ▼171| -21.3%
YoY: ▼104| -14.2%

LN thuần
Q1/24
23.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼47.9| -67.0%
YoY: ▼73.1| -75.6%

LN sau thuế
Q1/24
14.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼48.9| -77.0%
YoY: ▼70.6| -82.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
3.1%
YoY: +/-▼ 6.1%

ROE (TTM)
Q1/24
1.4%
YoY: +/-▼ 1.8%

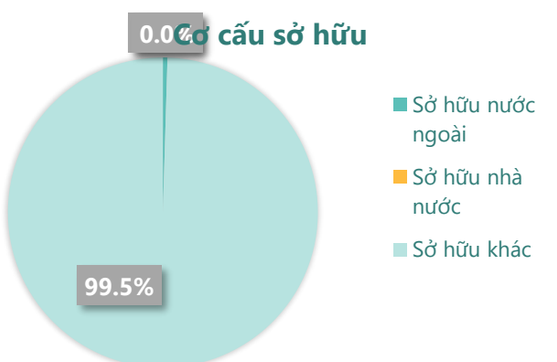
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,802 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,570
Số lượng CPLH (CP)	212,491,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)	291,830
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	1.16
EPS	353
P/E	47.6

DT thuần
2023
3,152
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.0| 0.4%

LN thuần
2023
329
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.0| 14.4%

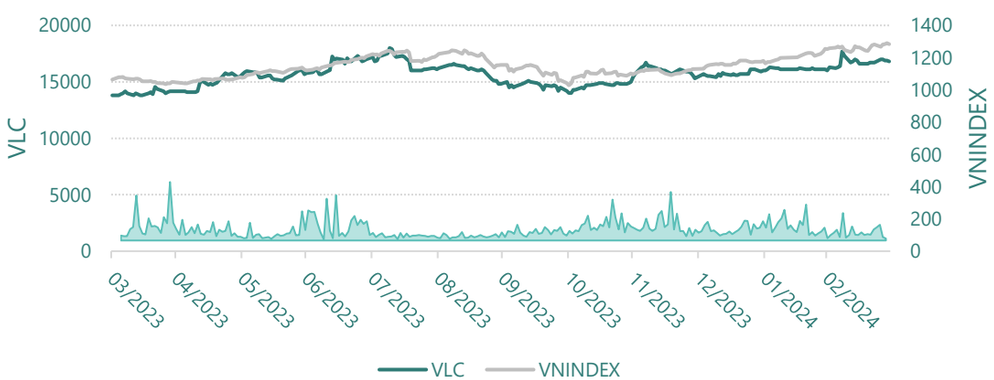
LN sau thuế
2023
289
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 51.0| 21.7%

Cơ cấu sở hữu

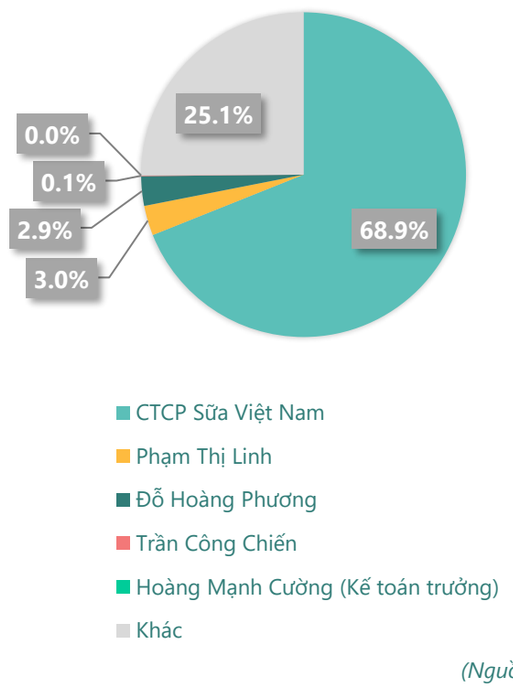


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



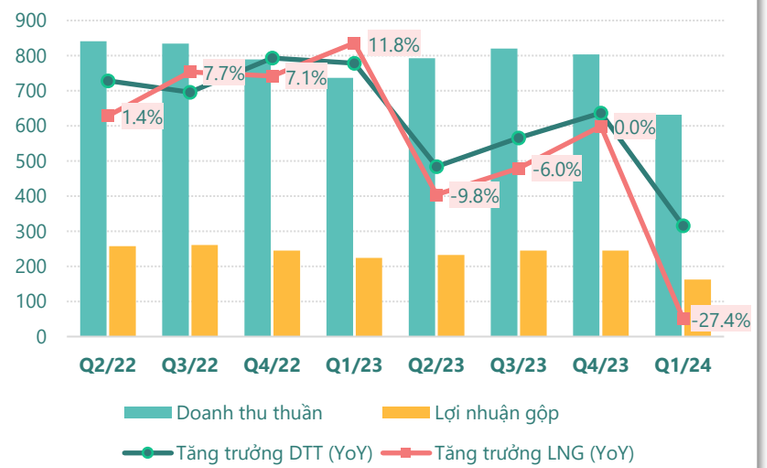
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

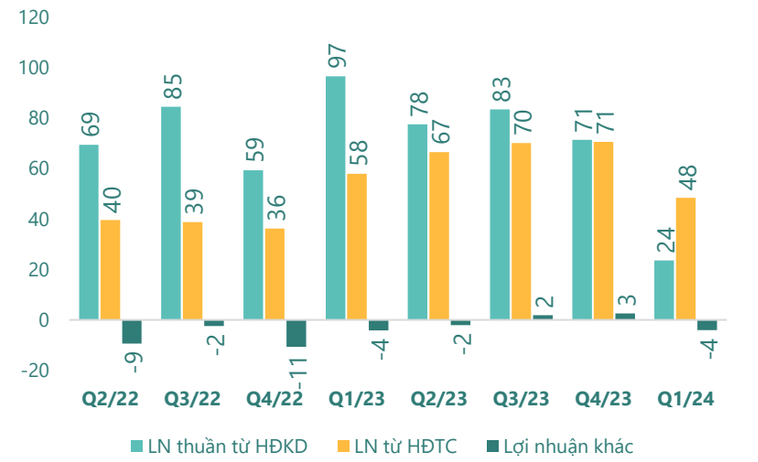
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



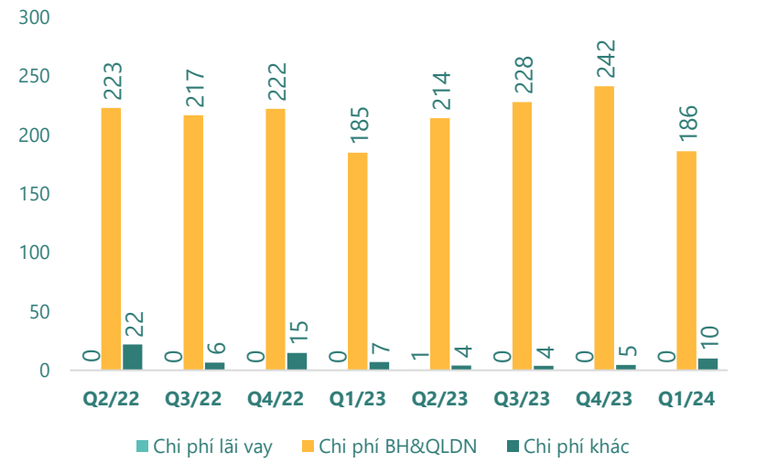
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



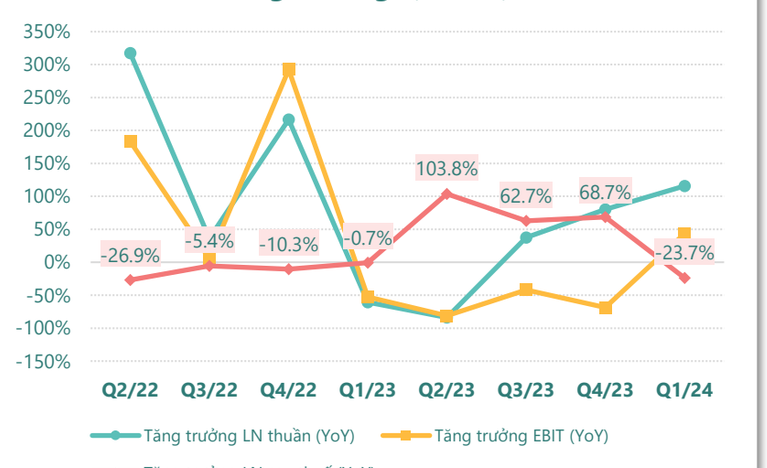
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



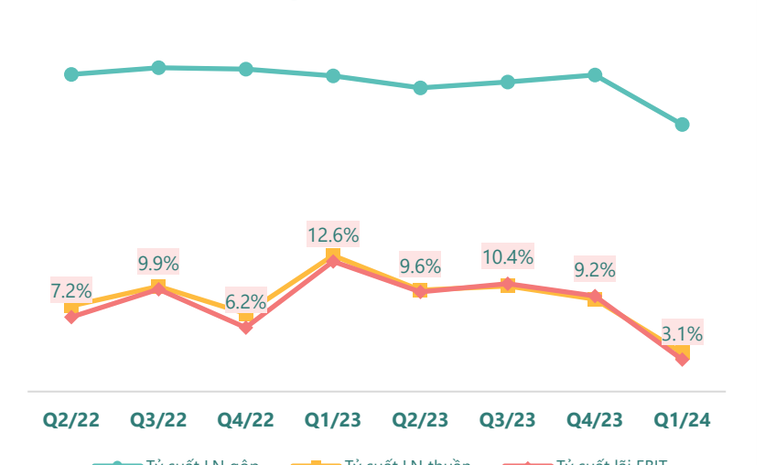
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



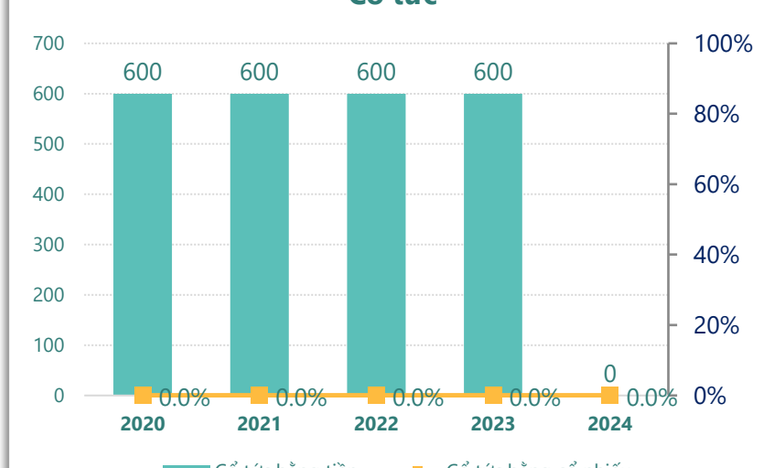
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

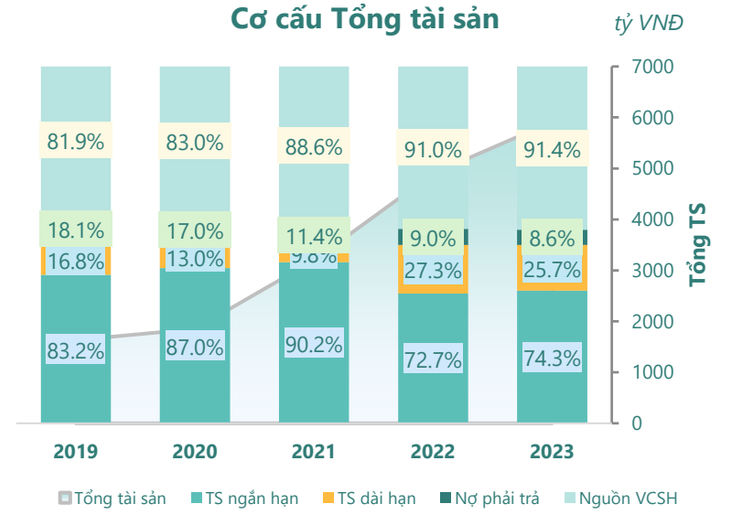
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

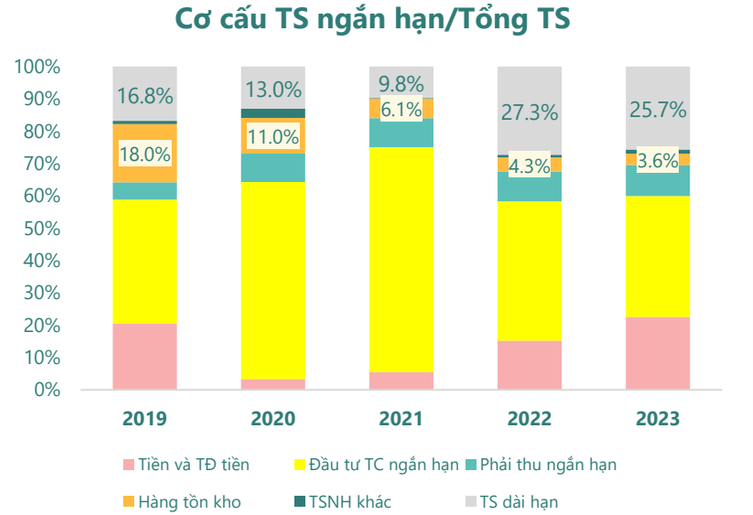
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



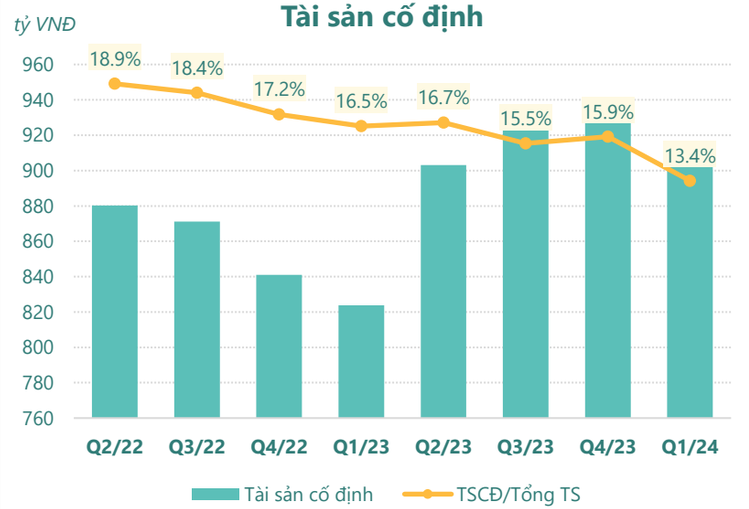
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



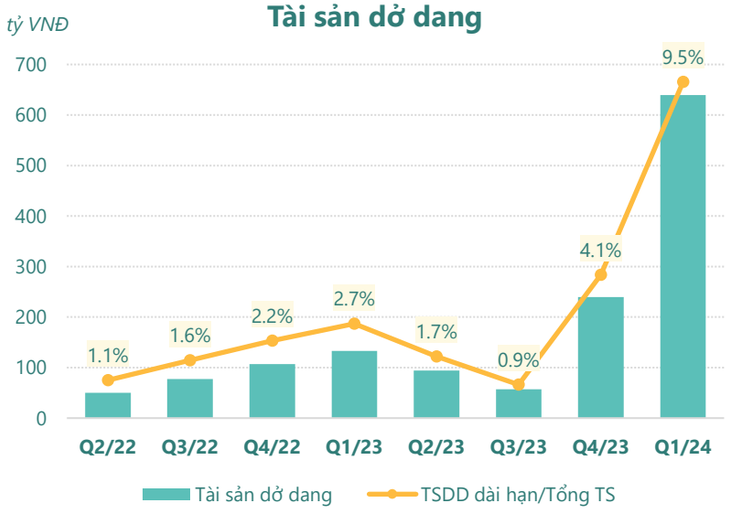
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



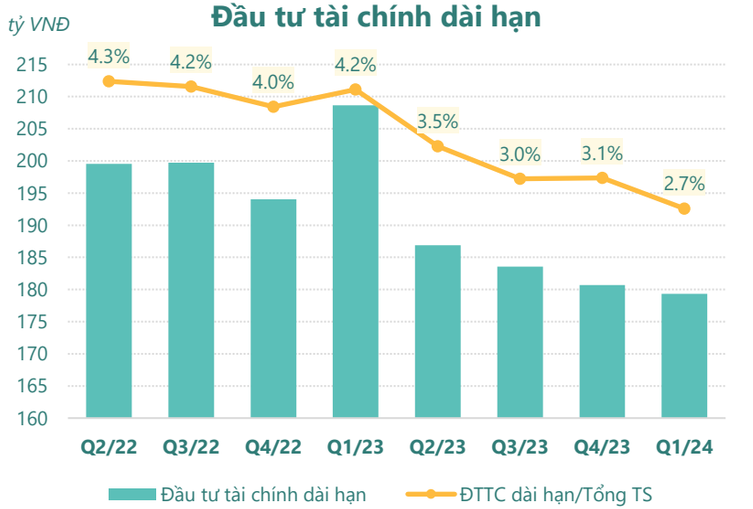
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



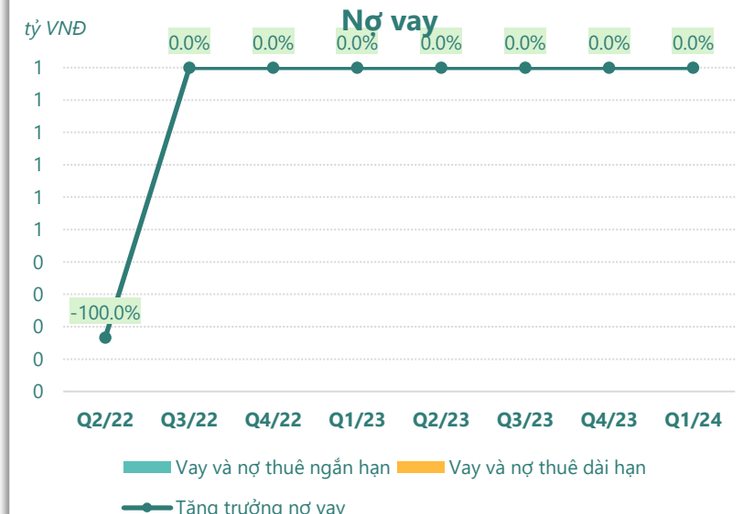
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

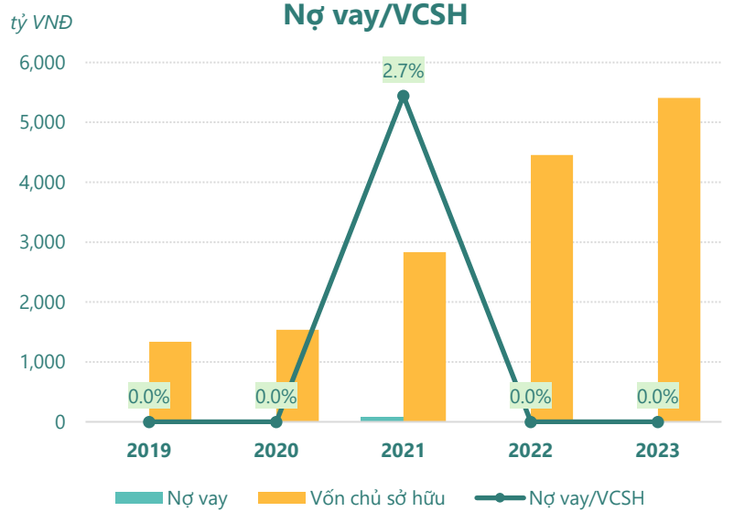
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

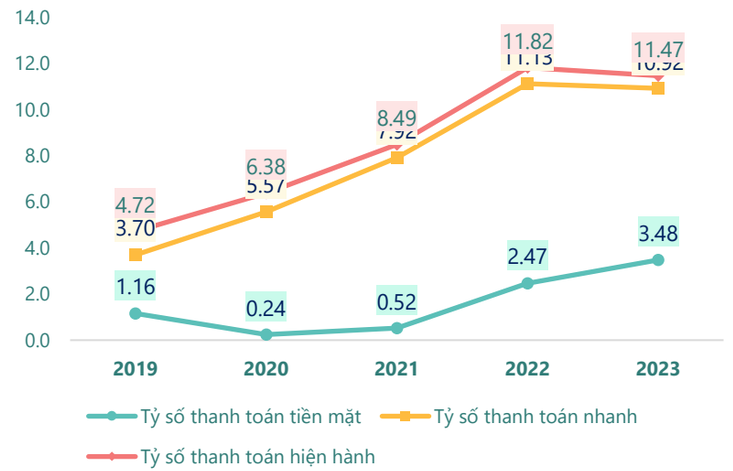
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



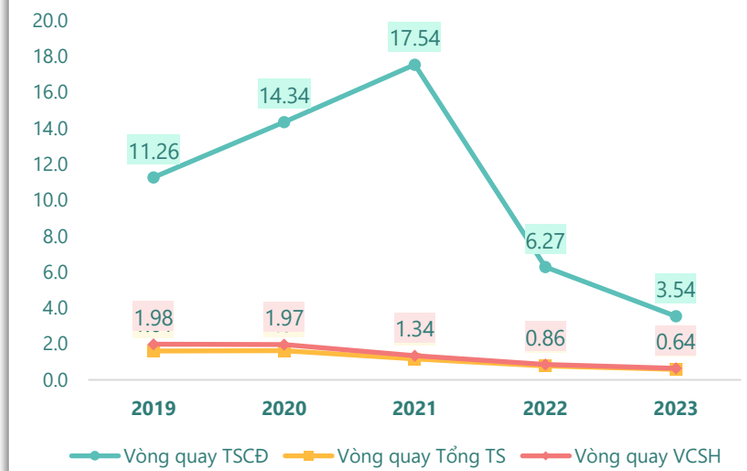
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



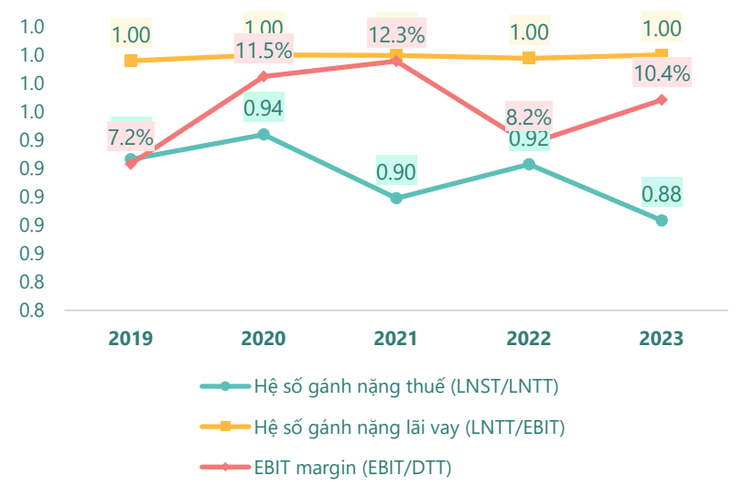
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



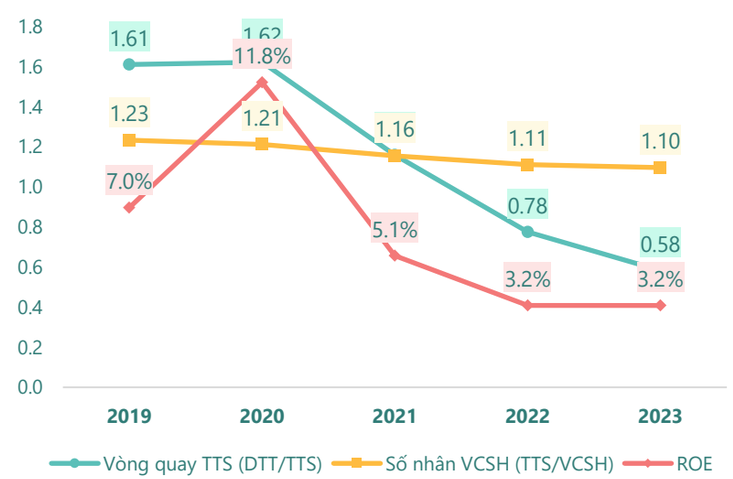
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



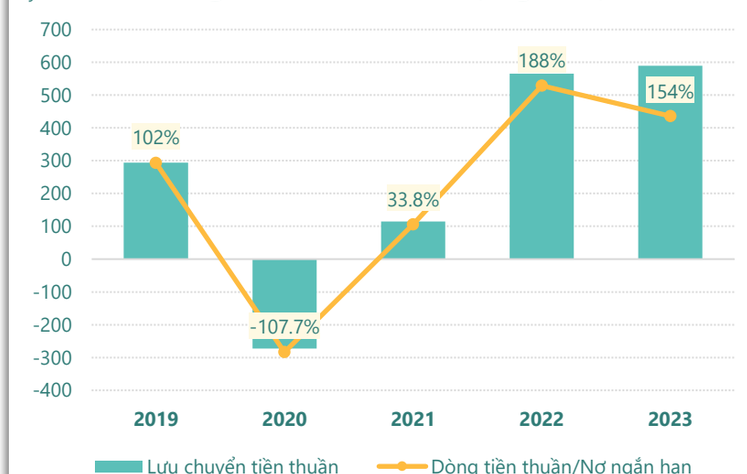
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**632**	**736**	**-14.2%**	**3,152**	**3,140**	**0.4%**
Giá vốn hàng bán	469	512	-8.4%	2,206	2,177	1.3%
Lợi nhuận gộp	163	224	-27.4%	946	964	-1.8%
Doanh thu HĐTC	48.5	58.1	-16.6%	266	158	68.4%
Chi phí TC	0.03	0.06	-48.9%	0.95	5.51	-82.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.64	-100%
LN trong công ty LKLD	**-1.34**	**-0.41**	**-226%**	**-13.4**	**-3.27**	**-308%**
Chi phí bán hàng	146	150	-2.6%	726	698	4.0%
Chi phí QLDN	**40.1**	**34.8**	**15.4%**	**143**	**127**	**12.6%**
LN thuần từ HĐKD	23.6	96.7	-75.6%	329	288	14.4%
Lợi nhuận khác	**-4.09**	**-4.23**	**3.3%**	**-1.89**	**-30.3**	**93.7%**
LN trước thuế	19.5	92.4	-78.9%	327	257	27.2%
Lợi nhuận sau thuế	**14.6**	**85.2**	**-82.9%**	**289**	**238**	**21.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.54**	**85.2**	**-95.8%**	**157**	**116**	**35.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.8	43.4	45.5	110	7.41	-85.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-276	-202	-219	169	382	-948
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	190	0	293	562	120	676
Tiền đầu kỳ	783	744	585	705	705	1,334
Lưu chuyển tiền thuần	**-39.0**	**-159**	**120**	**841**	**509**	**-357**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	744	585	705	1,546	1,334	976

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,728**	**5,915**	**13.8%**
Tài sản ngắn hạn	4,860	4,396	10.6%
Tiền và tương đương tiền	976	1,334	-26.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,168	2,212	43.2%
Phải thu ngắn hạn	347	566	-38.6%
Hàng tồn kho	287	210	36.4%
Tài sản ngắn hạn khác	82.4	74.3	10.9%
Tài sản dài hạn	**1,868**	**1,519**	**23.0%**
Phải thu dài hạn	0.71	0.31	131%
Tài sản cố định	903	941	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	640	240	167%
Đầu tư tài chính dài hạn	179	181	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	**18.2**	**18.8**	**-3.3%**
Lợi thế thương mại	127	138	-8.3%
Nợ phải trả	635	507	25.2%
Nợ ngắn hạn	**515**	**383**	**34.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	354	153	131%
Nợ dài hạn	121	124	-2.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,093**	**5,407**	**12.7%**
Vốn chủ sở hữu	**6,093**	**5,407**	**12.7%**
Vốn điều lệ	2,125	2,125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)